

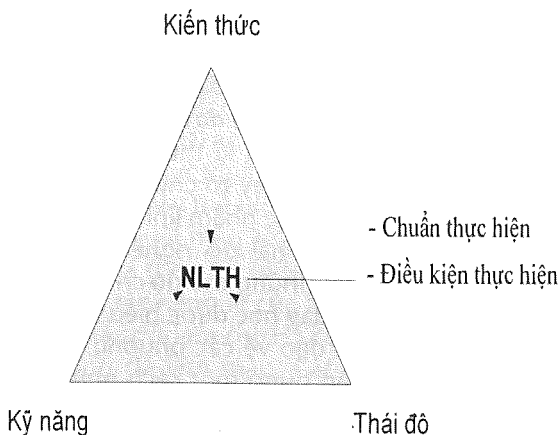
NĂNG LỰC DẠY HỌC CỦA GIÁO VIÊN DẠY NGHỀ THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC THỰC HIỆN

ThS. VŨ XUÂN HÙNG
 Tổng cục Dạy nghề

Năng lực dạy học (NLDH) là một thành phần của năng lực sư phạm và là năng lực quan trọng nhất của người giáo viên (GV) nói chung, GV dạy nghề (DN) nói riêng. Theo tiếp cận năng lực thực hiện (NLTH), NLDH của GVDN trở thành chuẩn đầu ra, thành tiêu chí để xây dựng và đánh giá các NLDH của sinh viên trong quá trình đào tạo tại các trường đại học sư phạm kĩ thuật. Tuy nhiên, hiện nay còn nhiều quan niệm khác nhau về cấu trúc, nội dung NLDH của GVDN, dẫn đến việc xây dựng chương trình đào tạo, rèn luyện NLDH cho sinh viên trong các trường sư phạm kĩ thuật chưa thống nhất, ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo đội ngũ GVDN. Tiếp cận NLTH hướng vào sự thực hiện thành công các nhiệm vụ, công việc dạy học của người GVDN, chính là một tiếp cận khoa học về NLDH của người GVDN.

1. Quan niệm về năng lực thực hiện

"Năng lực thực hiện" là thuật ngữ được dịch từ tiếng Anh (*Competency* hay *Competence*) hoặc tiếng Đức (*Handlungskompetenz*) dùng trong các tài liệu của nhiều tác giả trình bày về quan điểm giáo dục, đào tạo theo tiếp cận NLTH. Theo nghĩa thông thường, "competency" được nhiều từ điển Anh - Việt dịch là năng lực, khả năng. Tuy nhiên, ngày nay, thuật ngữ này được các nhà khoa học mở rộng nội hàm, không dùng ở khả năng của con người mà là "cái làm cho con người có thể làm được các công việc của nghề đó" là "sự thực hiện thành công các công việc của nghề".



Sơ đồ 1.1. Cấu trúc năng lực thực hiện

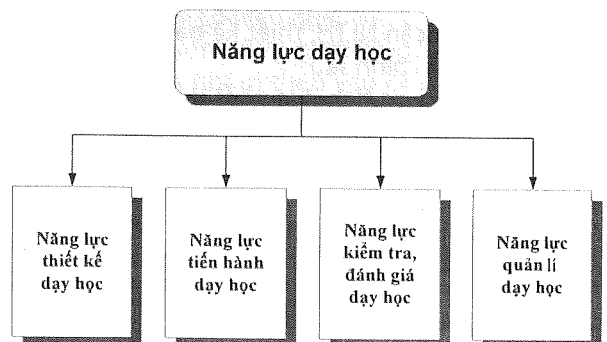
Nghiên cứu sâu hơn về bản chất của vấn đề này, chúng tôi cho rằng: *NLTH là kiến thức, kĩ năng, thái độ cần thiết, được kết hợp nhuần nhuyễn, không tách rời để thực hiện được các nhiệm vụ, công việc cụ thể của một nghề theo chuẩn đặt ra, trong những điều kiện nhất định*. Các thành tố của NLTH bao gồm: Kiến thức, kĩ năng, thái độ; chuẩn đánh giá và điều kiện để thực hiện công việc đó (sơ đồ 1).

Tiếp cận NLTH trong đào tạo GVDN là xem xét các nhiệm vụ, công việc của nghề dạy học trong một chỉnh thể thống nhất của NLTH, tích hợp giữa kiến thức, kĩ năng và thái độ để người GVDN có thể hoàn thành được nhiệm vụ dạy học của mình. Người GVDN thực hiện được các nhiệm vụ, công việc của nghề dạy học theo chuẩn đặt ra, có nghĩa là họ có NLTH. Nhiệm vụ, công việc của nghề dạy học cũng chính là các NLDH của người GVDN.

2. Năng lực dạy học của người GVDN theo tiếp cận NLTH

Từ kết quả phân tích nghề theo phương pháp DACUM cho thấy, người GVDN có 3 năng lực chính: (1) Năng lực sư phạm; (2) Năng lực chuyên môn nghề và (3) Năng lực xã hội. Trong năng lực sư phạm lại có 2 năng lực chính: (1) Năng lực dạy học và (2) Năng lực giáo dục.

NLDH là một trong hai thành phần của năng lực sư phạm và được biểu hiện cụ thể qua 4 năng lực thành phần là: Năng lực thiết kế dạy học; năng lực tiến hành dạy học, năng lực kiểm tra, đánh giá và năng lực quản lí dạy học (sơ đồ 2). Qua phân tích nghề, phân tích công việc còn cho thấy, trong mỗi nhóm năng lực lại có nhiều năng lực thành phần khác.



Sơ đồ 2. Cấu trúc năng lực dạy học



2.1. Năng lực thiết kế dạy học

Thiết kế dạy học là công việc quan trọng của người GV trong hoạt động dạy học. Tất cả những công việc chuẩn bị cho buổi dạy học phải được thể hiện trong bản thiết kế dạy học - giáo án. Năng lực thiết kế dạy học được thể hiện qua một số năng lực cụ thể hơn là:

2.1.1. Năng lực chuẩn bị thiết kế bài học

Để có thể chuẩn bị thiết kế dạy học được tốt, đòi hỏi người GV phải có năng lực hiểu HS lớp được phân công giảng dạy; năng lực nghiên cứu chương trình, kế hoạch đào tạo; xác định được kĩ năng dạy học (nội dung dạy học); năng lực thu thập giáo trình, tài liệu; năng lực nghiên cứu tài liệu ...

Trong nhiều năng lực kể trên, *năng lực hiểu biết đối tượng (năng lực hiểu HS lớp được phân công dạy)* là một trong những năng lực quan trọng của năng lực chuẩn bị thiết kế dạy học.

Năng lực này thể hiện sự xác định khả năng nắm vững những kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo cần có trước liên quan đến bài học ở HS (để lựa chọn hoạt động học trong bước sau). Nhờ có năng lực này, người GV dễ dàng xác định được kĩ năng kĩ xảo, thao động mới cần huấn luyện trong bài; Phân tích đặc điểm hoạt động của lớp học để có phương án tổ chức lớp; Phân tích các điều kiện thực hành hiện có để chuẩn bị phương án tổ chức lớp học hợp lí; Xác định những hạt nhân cho mỗi nhóm và cách tổ chức nhóm (nếu có thảo luận hoặc làm việc nhóm)

Vì vậy, biểu hiện trước hết của năng lực hiểu biết đối tượng là ở chỗ, người GV biết xác định được khối lượng kiến thức đã có và mức độ, phạm vi lĩnh hội của HS, từ đó xác định mức độ, khối lượng kiến thức, kĩ năng mới cần giúp HS lĩnh hội.

2.1.2. Năng lực thiết kế bài học

Thiết kế bài học là một quá trình có tính hệ thống để biến các nguyên tắc dạy học thành kế hoạch hoạt động dạy, hoạt động học và sử dụng, khai thác phương tiện, tài liệu học tập. Thiết kế bài học gắn với việc viết mục tiêu bài học, xác định nội dung và hoạt động dạy học, thiết kế các tài liệu học tập.

Theo tiếp cận NLTH, thiết kế bài học dựa trên mấy luận điểm chính sau:

a) Dạy và học tích cực phải là lấy hoạt động học làm trung tâm;

b) Mục tiêu dạy học chính là những kiến thức, kĩ năng, thái độ mới được hình thành ở người học vào cuối bài, thể hiện tập trung ở những hành động mà mọi người học phải thực hiện được;

c) Kế hoạch dạy học với ý nghĩa là sản phẩm của thiết kế dạy học phải thể hiện được kế hoạch của các hoạt động học kết hợp với kế hoạch khai thác các phương tiện, tài liệu học tập của người học;

d) Khi mang ý nghĩa là một qui trình chặt chẽ, từng hoạt động trong kế hoạch dạy học phải đạt đến một yêu cầu chất lượng cụ thể có thể đo đếm, quan sát được, làm cơ sở để quyết định chuyển sang bước kế tiếp;

đ) Hệ thống hoạt động dạy và hoạt động học và sự phối hợp giữa chúng thể hiện phương pháp dạy học được chọn.

Năng lực thiết kế bài học bao gồm các thành tố:

- Năng lực viết mục tiêu dạy học

Trong thực tế, có nhiều giáo viên rất muốn dạy thật tốt, nhưng do họ không có ý tưởng rõ ràng về cái đích cuối cùng phải đạt được sau bài dạy nên đến cuối buổi học, có nhiều HS thực hiện được, có một số HS thì không, điều này chính là phụ thuộc vào *năng lực viết mục tiêu bài học* của giáo viên. Mục tiêu dạy học là tuyên bố về những gì HS phải hiểu rõ, phải làm được sau bài học.

- Năng lực xác định hoạt động dạy học

Hoạt động dạy và hoạt động học thống nhất với nhau trong cùng một quá trình, không hoạt động nào thay thế cho hoạt động nào. Hoạt động của người GV không có mục đích riêng cho mình mà nhằm mục đích tạo ra hoạt động nhận thức tích cực của HS.

Hoạt động dạy học theo tiếp cận NLTH thường bắt đầu từ hoạt động của người học, do vậy năng lực này thể hiện ở việc xác định được những hoạt động của người học trong buổi học. Xác định được các hoạt động mà HS phải tiến hành cũng đồng nghĩa với xác định phương pháp dạy học, vì mỗi hoạt động của HS cần có ít nhất một hoạt động tương ứng của GV để hướng dẫn, tổ chức, đánh giá các hoạt động đó.

- Một số năng lực khác

Ngoài các năng lực cơ bản trên, để chuẩn bị tốt việc dạy học đòi hỏi phải có các năng lực khác như: Năng lực thu thập tài liệu; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài học điện tử; Năng lực chuẩn bị đồ dùng, thiết bị dạy học; Năng lực thiết kế, chế tạo đồ dùng dạy học đơn giản.v.v...

2.2. Năng lực tiến hành dạy học

Đặc điểm nổi bật của kĩ thuật dạy học theo tiếp cận NLTH là người dạy tổ chức và điều khiển hoạt động của người học nhằm lĩnh hội kiến thức, kĩ năng, hình thành thái độ nghề nghiệp, chứ không phải là áp đặt những thứ đó cho người học. Năng lực tiến hành dạy học được biểu hiện ở chỗ: Hiểu biết sâu, thấu đáo về các phương pháp dạy học mới và biết vận dụng một cách phù hợp với từng nội dung, điều kiện dạy học cụ thể; Tổ chức quá trình nhận thức tri thức, rèn luyện kĩ năng rõ ràng, dễ hiểu và làm cho nó trở lên vừa sức với đối

tượng người học; Gây hứng thú và kích thích người học suy nghĩ tích cực và độc lập; Tạo ra tâm thế có lợi cho sự linh hoạt, rèn luyện, khắc phục sự suy giảm của hoạt động trong giờ giảng hoặc thái độ thờ ơ, uể oải);

Năng lực tiến hành dạy học bao gồm một số năng lực thành tố sau:

2.2.1. Năng lực sử dụng các phương pháp dạy học

Mỗi một phương pháp dạy học, dù truyền thống hay hiện đại, đều nhấn mạnh lên một khía cạnh nào đó của cơ chế dạy học hoặc nhấn mạnh lên mặt nào đó thuộc về vai trò của người dạy. Chính vì thế mà không có một phương pháp giảng dạy nào được cho là lí tưởng, là tối ưu nhất trong dạy học. Mỗi một phương pháp đều có ưu điểm của nó. Điều quan trọng của năng lực này là người dạy biết khai thác, vận dụng, sử dụng một cách tối ưu, hiệu quả các phương pháp trong điều kiện có thể. Phương pháp dạy học truyền thống phải được kết hợp với các phương pháp dạy học hiện đại để phát huy tính tích cực của người học.

Như vậy, năng lực này đòi hỏi GV phải biết vận dụng phương pháp dạy học một cách sáng tạo vào các nội dung bài giảng cụ thể.

2.2.2. Năng lực sử dụng phương tiện dạy học, thiết bị thực hành

GV phải có năng lực sử dụng thiết bị và phương tiện dạy học, biết đưa mô hình, học cụ cho học sinh quan sát đúng lúc, để tập trung sự chú ý của HS. Nếu khai thác được các phương tiện dạy học, thiết bị thực hành sẽ giúp cho HS tiếp cận với thực tế, GV đỡ vất vả trong giờ lên lớp, giờ giảng sẽ trở nên hấp dẫn, HS chú ý vào nội dung bài giảng, hiệu quả giờ giảng sẽ tăng lên rõ rệt.

Nguyên tắc chung khi khai thác và sử dụng phương tiện dạy học đó là: Đảm bảo phục vụ thiết thực cho bài giảng; Sử dụng phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của HS; Sử dụng đúng lúc, đúng cách, đủ cường độ; Đảm bảo các quy tắc điều khiển và vận hành; Sử dụng phải an toàn.

2.2.3. Năng lực trình diễn kĩ năng (thao tác mẫu)

Năng lực này thể hiện ở việc GV thực hiện các động tác kĩ thuật mẫu kết hợp với giải thích cơ sở khoa học của thao tác giúp HS hình dung rõ ràng từng động tác riêng lẻ của hành động và trình tự các động tác đó, làm cho HS có thể bắt chước được hành động đã làm mẫu. Các bước trình diễn kĩ năng bao gồm:

Bước một: Chuẩn bị hành động cần làm mẫu
 Trong bước này cần có sự phân tích hành động cần biểu diễn thành các động tác, cử động...). Sắp

xếp chúng thành trình tự hợp lí, xác định các yếu tố khó, các khâu chuyển tiếp, dự kiến các sai sót có thể xảy ra khi HS luyện tập; Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ cần thiết tương ứng; Định mức thời gian thực hiện và dự kiến những giải thích kèm theo; Dự kiến vị trí và các điều kiện biểu diễn để HS dễ quan sát.

Bước hai: Biểu diễn hành động (hay động tác) mẫu

Nêu rõ mục đích của hành động, trình tự thao động tác và yêu cầu kèm theo, kết quả cần đạt được (có thể dùng phim, ảnh minh họa), sau đó thực hiện:

- (a) Biểu diễn hành động mẫu với tốc độ bình thường trong điều kiện tiêu chuẩn;
- (b) Biểu diễn hành động mẫu với tốc độ chậm, thể hiện rõ từng động tác, cử động, các khâu chuyển tiếp giúp HS quan sát ghi nhớ từng động tác, cử động một cách chính xác;
- (c) Biểu diễn lại vài lần các động tác phức tạp kết hợp với việc giải thích bằng lời và chỉ ra các sai sót thường gặp khi thực hiện chúng;
- (d) Biểu diễn tóm tắt lại toàn bộ hành động mẫu với tốc độ bình thường để HS có được biểu tượng về tiến trình các công việc.

Bước 3: Đánh giá kết quả biểu diễn bằng cách yêu cầu một vài HS biểu diễn lại hành động mà GV vừa thể hiện để xác định mức độ nắm vững động tác mẫu và tiến trình công việc.

2.2.4. Năng lực tổ chức học tập theo nhóm

Dạy học theo nhóm vừa là một hình thức dạy học vừa là một phương pháp dạy học tích cực đang được sử dụng phổ biến vì tính ưu việt của nó cả về mặt xã hội và về giáo dục. Tuy nhiên, muốn dạy học tương tác theo nhóm có kết quả, người GV cần có các NLTH sau đây:

a) Năng lực chuẩn bị: Đòi hỏi GV phải có khả năng chuẩn bị nội dung, về phương pháp dạy học, chuẩn bị tài liệu, phương tiện, thiết bị luyện tập, vị trí luyện tập.v.v.. để đảm bảo cho hoạt động nhóm được thực hiện có hiệu quả;

b) Năng lực tổ chức, quản lí: Đòi hỏi GV phải biết thủ thuật chia nhóm theo yêu cầu của bài học và mục đích dạy học của mình. Theo dõi hoạt động của các nhóm (ghi biên bản, ghi chép, theo dõi,...), gợi ý kịp thời các vướng mắc của các nhóm, ...

2.2.5. Năng lực giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp của người GV. Người GV có ngôn ngữ rõ ràng, diễn cảm sẽ giúp cho HS hiểu bài tốt hơn, HS sẽ tập trung chú ý trong giờ giảng. Ngôn ngữ còn là yếu tố của tài năng sư phạm, nhiều GVĐN nhờ có khả năng diễn đạt tốt mà làm cho HS dễ tiếp thu bài giảng.

Năng lực giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ là năng lực biểu đạt rõ ràng, mạch lạc ý nghĩ và tình cảm của mình bằng lời nói cũng như nét mặt, cử chỉ, điệu bộ. Năng lực này đòi hỏi GV phải chú ý đến cả nội dung và hình thức biểu đạt, cụ thể:

a) *Về nội dung*: Ngôn ngữ phải chứa đựng mật độ thông tin lớn, diễn tả, trình bày phải chính xác, cô đọng, súc tích. Lời nói phải phản ánh được tính kế tục, đảm bảo thông tin logic;

b) *Về hình thức*: Ngôn ngữ giản dị, sinh động, giàu hình ảnh, có ngữ điệu, sáng sủa, biểu cảm với cách phát âm mạch lạc trong đó không có những sai phạm về tu từ học, về ngữ pháp, về ngữ âm. Hình thức trình bày sao cho dễ hiểu, có chiều sâu về tư tưởng, có sức lay động tâm hồn người học.

2.2.6. Năng lực xử lý tình huống sư phạm

Tình huống sư phạm là hiện tượng, sự việc xảy ra trong quá trình giáo dục mà GV phải giải quyết. Trong thực tế dạy học có rất nhiều loại tình huống sư phạm xảy ra như:

a) Các tình huống về kiến thức, kĩ năng;

b) Các tình huống về tư thế, tác phong, trang phục của GV;

c) Các tình huống về cách ứng xử của HS.

Hoạt động dạy học và giáo dục luôn diễn ra hết sức phức tạp, đa dạng, vì vậy đòi hỏi người GV phải có năng lực kiểm soát, quản lí, dự kiến và giải quyết tốt các tình huống sư phạm nảy sinh, đáp ứng được yêu cầu của dạy học và giữ được uy tín cho GV.

2.3. Năng lực kiểm tra, đánh giá dạy học

Năng lực này đòi hỏi việc kiểm tra, đánh giá phải đảm bảo tính khách quan, công bằng và chuẩn xác. Làm được như thế thì uy tín của người GV sẽ được tăng lên, tạo ra được niềm tin của HS. Ngoài việc đánh giá kết quả học tập của HS người GV phải biết tự đánh giá những thành công, hạn chế của từng bài giảng để có biện pháp khắc phục.

Để đánh giá kết quả học tập của HS được khách quan, công bằng và chuẩn xác, đòi hỏi GV phải có năng lực biên soạn công cụ đánh giá, năng lực sử dụng các công cụ đánh giá, năng lực phân tích các minh chứng đánh giá,... vận dụng thành thạo và linh hoạt các phương pháp và kĩ thuật kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận NLTH.

2.4. Năng lực quản lí dạy học

Để đảm bảo dạy học thành công, đòi hỏi người GVDN không chỉ có các năng lực thiết kế dạy học, tiến hành dạy học, kiểm tra đánh giá mà còn phải có năng lực quản lí quá trình thực hiện công việc (dạy học) của chính mình, đảm bảo cho việc dạy học đạt mục tiêu đề ra.

Năng lực quản lí dạy học thể hiện ở việc người GV phải biết thu thập thông tin để lập các kế hoạch, lịch trình, thời gian biểu cho cho hoạt động dạy học (lập kế hoạch); biết huy động, phân phối, tổ chức các nguồn lực, quản lí lớp học để thực hiện tốt các hoạt động dạy học (tổ chức thực hiện); hướng dẫn, điều hành công việc học tập trong lớp, nhóm, đảm bảo tiến trình và thời gian dạy học để việc dạy học đạt mục tiêu dạy học đã đề ra (chỉ đạo, điều khiển). Mặt khác, phải biết tự kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm cho việc dạy học của mình.

Như vậy, theo tiếp cận NLTH, thông qua việc phân tích nghề, phân tích công việc theo phương pháp DACUM, hệ thống NLDH của GVDN đã được xác định rõ cả về cấu trúc, nội dung, thể hiện tính khoa học và thực tiễn cao. Hệ thống NLDH của người GVDN là sự phản ánh toàn bộ các nhiệm vụ, công việc dạy học hàng ngày của người GVDN trong một hệ thống thống nhất, chặt chẽ, logic. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để thiết kế, xây dựng các nội dung đào tạo GVDN tại các trường đại học sư phạm kĩ thuật, là chuẩn đầu ra mà quá trình rèn luyện NLDH cho sinh viên các trường đại học sư phạm kĩ thuật hướng tới và cũng là tiêu chí để đánh giá NLDH của sinh viên sau quá trình đào tạo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gonobolin F.N (1977), *Những phẩm chất tâm lí của người GV, Tập 1, II* (Nguyễn Thế Hùng, Ninh Giang dịch), NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Phạm Minh Hạc (2001), *Tâm lí học*, NXB Giáo dục, Hà Nội
3. Meier Bernd, Nguyễn Văn Cường (2009), *Bài giảng Lí luận dạy học hiện đại*, Trường Đại học Potsdam, Đại học Sư Phạm Hà Nội.
4. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại - Lí luận, biện pháp, kĩ thuật*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
5. Gerhard Steindof (1995), *Grundbegriffe des Lehrens und Lernens*, 4 Auflage, Julius Klinkhardt Verlag.
6. Fletcher S. (1991), *Designing Competence - Based Training*, Kogan Page Limited, London

SUMMARY

This article discusses the system of teaching competencies by vocational teachers. From the concepts of performance based teaching competencies the author analyzes the teaching competencies of vocational teachers by 4 components: teaching design, teaching, assessment and teaching management.